TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG ANH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 08/5/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ***Triệu Thúy Hà***

-Các Hội thẩm nhân dân: Ông ***Dương Xuân Đính***

Bà ***Hoàng Thị Hòa***

-Thư ký phiên tòa: Ông ***Nguyễn Đăng Hùng***– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên tòa: Bà ***Nguyễn Thị Thúy Nga***- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 05 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2018/TLST-DSST ngày 07 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-DS ngày 05/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại TNHH MTV X

Địa chỉ: Tòa nhà C Tower, số 109 Trần Hưng Đ, phường Cửa N, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Huy T. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: ông Đoàn Văn L – Nhân viên kinh doanh Chi nhánh Thăng L – Phòng Giao dịch Hoàng Quốc V.

Bị đơn: 1. Anh **Ngô Việt C,** sinh năm 1982

2. Chị **Phạm Thị Thúy N** sinh năm 1983

Đều có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã Kim N, huyện A, thành phố Hà Nội

Nơi ở: thôn Mai C, xã Đại M, huyện A, thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Ngô Việt Bảo C, sinh năm 2009 (con chị N, anh C). Anh C, Chị N là đại diện theo pháp luật của cháu C.

Có mặt: Ông L. Vắng mặt: Anh C, chị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các văn bản tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 03/11/2010 Ngân hàng TMCP X (Ngân hàng X) (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV X và chị Phạm Thị Thúy N, anh Ngô Việt C đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0417/HĐTD-GPBTLG/10 với nội dung cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

+ Thời hạn vay: 84 tháng. Ngày trả nợ cuối cùng 03/11/2017.

+ Lãi suất: Áp dụng thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần. Kỳ đầu tiên là 16,5%/năm.

+ Mục đích vay: Thanh toán tiền mua nhà và đất tại thửa đất số 15(3) tờ bản đồ số 24 tại thôn B, xã Kim N, huyện A, thành phố Hà Nội.

+ Phương thức vay: Dài hạn.

+ Kế hoạch rút vốn: Một lần.

+ Hình thức giải ngân: Chuyển khoản.

+ Trả nợ lãi: 01 tháng/01 lần vào ngày 15 hàng tháng.

+ Trả nợ gốc: Đều 11.500.000 đồng, số tiền còn lại trả nốt vào kỳ cuối cùng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng này, Ngân hàng X đã giải ngân cho chị N, anh C số tiền là 1.000.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ ngày 03/11/2010.

Trong thời gian vay, chị N, anh C đã trả một phần nợ tính đến ngày 31/8/2018 là:

Nợ gốc đã trả 253.000.000 đồng, còn lại là 747.000.000 đồng chưa trả.

Số tiền lãi chưa trả tính đến ngày 31/8/2018 là:

+ Lãi trong hạn: 322.884.865 đồng.

+ Lãi quá hạn cho lãi: 351.404.310 đồng;

+ Lãi quá hạn cho gốc: 571.611.846 đồng.

Tổng cả gốc và lãi của hợp đồng này là: **1.992.910.021** đồng.

- Ngày 19/08/2011 Ngân hàng TMCP X và chị Phạm Thị Thúy N, anh Ngô Việt C đã ký kết tiếp Hợp đồng tín dụng số 0403/HĐTD-GPBTLG/11 với nội dung cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: 1.400.000.000 đồng (một tỷ, bốn trăm triệu đồng).

+ Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 19/08/2011 đến ngày 19/08/2012.

+ Lãi suất: Áp dụng thả nổi, thay đổi 01 tháng/01 lần. Kỳ đầu tiên là 24%/năm.

+ Mục đích vay: Hoàn thanh toán tiền mua chiếc xe ô tô BMW X6 XDRIVE 3.5L màu xanh, BKS 30V-7368.

+ Phương thức vay: Ngắn hạn.

+ Kế hoạch rút vốn: Một lần.

+ Hình thức giải ngân: Chuyển khoản.

+ Trả nợ lãi: 01 tháng/01 lần vào ngày 25 hàng tháng.

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng này, Ngân hàng X đã giải ngân cho anh C, chị N số tiền là 1.400.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ ngày 19/08/2011.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng này, đến hạn thanh toán gốc ngày 19/08/2012 chị N, anh C không thanh toán được cho Ngân hàng nợ gốc 1.400.000.000 đồng; Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn từ 20/8/2012.

Nợ lãi chưa trả tính đến ngày 31/08/2018 như sau:

Lãi trong hạn: 17.500.000 đồng;

Lãi quá hạn cho lãi: 28.416.366 đồng;

Lãi quá hạn cho gốc: 2.313.150.000 đồng;

Tổng cả gốc và lãi: **3.759.066.366** đồng

- Tổng số tiền chị Phạm Thị Thúy N, anh Ngô Việt C phải thanh toán cho Ngân hàng của cả hai khoản vay tính đến hết ngày 31/08/2018 là: **5.751.967.387** đồng (năm tỷ, bảy trăm năm mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng).

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 3(1) tờ bản đồ số 34, có địa chỉ tại thôn Mai C, xã Đại M, huyện A, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 442147 do UBND huyện A cấp ngày 15/8/2008, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 79/82/QĐUB, đăng ký sang tên cho chị Phạm Thị Thúy N ngày 28/07/2010 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số công chứng 02353.10 quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/08/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số 03417.10 quyển số 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/11/2010 tại Văn phòng công chứng Vạn Xuân.

Trong thời gian chị Phạm Thị Thúy N, anh Ngô Việt C bắt đầu phát sinh chậm trả, phía Ngân hàng đã có thông báo gửi đến khách hàng các ngày 18/09/2014;15/12/2014;06/03/2015;09/06/2015;13/07/2015;21/07/2015;01/10/2015; 24/11/2016 để yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và Ngân hàng đã tìm cách liên hệ với chị, anh C nhưng khách hàng không hợp tác.

Nay Nguyên đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện A buộc chị Phạm Thị Thúy N, anh Ngô Việt C thanh toán cho Ngân hàng X tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 31/08/2018 là: **5.751.967.387** đồng (năm tỷ, bảy trăm năm mươi mốt triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi bảy đồng).

Trong trường hợp chị Phạm Thị Thúy N, anh Ngô Việt C không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, Nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ

Quá trình chuẩn bị xét xử, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành thủ tục xác minh về nơi ở của anh C chị N, thể hiện: Anh C chị N đi làm, đôi khi về nhà, tuy nhiên, không rõ anh chị về nhà vào thời điểm nào xác minh lời khai của mẹ đẻ chị N bà Đinh Thị Nhất thể hiện, anh chị có biết việc kiện của Ngân hàng đối với anh chị. Tuy nhiên, theo bà anh chị đồng ý để Tòa án giải quyết theo pháp luật vì không còn khả năng trả nợ.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đồng thời yêu cầu Toà án nhân dân huyện A buộc chị Phạm Thị Thúy N, anh Ngô Việt C thanh toán cho Ngân hàng X tổng số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/4/2019 như sau:

+ Hợp đồng tín dụng kí ngày 03/11/2010: Nợ gốc: 747.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 322,884,865 đồng; Lãi quá hạn: 1.077.748.435 đồng (Trong đó: phí pạt chậm trả lãi: 401.161.264 đồng; Phí phạt chậm trả gốc: 676.587.171 đồng). Tổng cộng: **2.147.633.300** đồng

+ Hợp đồng tín dụng kí ngày 19/08/2011: Nợ gốc: 1.400.000.000 đồng; nợ lãi: 17.500.000 đồng; Lãi quá hạn: 2.590.337.616 đồng (trong đó phí phạt chậm

trả lãi là 31.487.616 đồng, phí phạt chậm trả gốc (lãi quá hạn trên dự nợ gốc): 2.558.850.000 đồng. Tổng: **4.007.837.616** đồng.

Tổng cộng hai khoản vay là: **6.155.500.916** đồng.

Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi khoản nợ từ ngày 23/4/2019 đến thời điểm tất toán khoản nợ.

- Ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng quy định tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định theo luật tố tụng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt tại tòa. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh C, chị N là đúng quy định tố tụng.

Về nội dung: Các đương sự tự nguyện ký kết hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp. Việc ký kết hợp đồng đúng theo quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên nguyên đơn có quyền thu hồi nợ gốc và lãi.

+ Đối với Hợp đồng tín dụng dài hạn 0417/HĐTD-GPBTLG/10 kí ngày 03/11/2010, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn về đòi số nợ gốc và số tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc là 676.587.171 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi trong hạn và tiền phí phạt chậm trả lãi: Theo Quy định tại Nghị quyết 01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng thì Bị đơn có nghĩa trả lãi trong hạn chưa thanh toán, lãi quá hạn trên dư nợ gốc chưa thanh toán. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn về tiền phí phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng 0417/HĐTD-GPBTLG/10

+ Đối với hợp đồng tín dụng số 0403/HĐTD-GPBTLG/11: Nguyên đơn yêu cầu nợ gốc là có căn cứ đề nghị Hội đồng chấp nhận.

Về yêu cầu lãi: Bị đơn đã trả lãi trong hạn trong hạn đến 25/7/2012 với số tiền 304.733.333 đồng, lãi trong hạn chưa trả là 17.500.000 đồng. Kể từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc là ngày 18/8/2012, bị đơn phải trả nguyên đơn tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc của lãi suất trong hạn được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Số tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc bị đơn phải trả theo hợp đồng tín dụng này tính từ 19/8/2012 đến 22/4/2019 là 2.558.850.000 đồng.

+ Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp bị đơn không thực hiện việc trả nợ theo quyết định của Tòa án, nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

Về thẩm quyền**:** Ngày 03/11/2010 Ngân hàng TMCP X và chị Phạm Thị Thúy N, anh Ngô Việt C đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0417/HĐTD-GPBTLG/10. Mục đích sử dụng tiền vay thanh toán tiền mua nhà đất nên xác định đây là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ngày 19/08/2011 Ngân hàng TMCP X và chị N, anh C đã ký kết tiếp Hợp đồng tín dụng số 0403/HĐTD-GPBTLG/11. Mục đích vay tiền để toán tiền mua chiếc xe ô tô BMW X6 XDRIVE 3.5L màu xanh, BKS 30V-7368. Như vậy xác định đương sự

sử dụng tiền vay để mua xe, còn việc sử dụng xe và mục đích gì thì đương sự không có lời khai nên không chứng minh được. Vì vậy cần đưa về quan hệ pháp luật gốc là quan hệ pháp luật dân sự. Xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án. Bị đơn chị chị N, anh C cư trú tại địa bàn thôn Mai C, xã Đại M, huyện A, thành phố Hà Nội. Vì vậy, Tòa án nhân huyện A thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về thủ tục tố tụng đối với những đương sự vắng mặt: Tòa án đã đến nơi cư trú tống đạt các văn bản tố tụng nhưng các đương sự đi làm, không ở nhà vào giờ hành chính. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho các đương sự, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý, Thông báo thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh C, chị N nhưng các đương sự không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án. Xác minh về nơi cư trú của anh C, chị N và qua lời khai của bà Đinh Thị N là mẹ đẻ chị N thể hiện: Chị N, anh C biết rõ việc khởi kiện của Nguyên đơn nhưng vẫn vắng mặt, anh chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt tại không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên là đúng quy định của pháp luật.

[2] **Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng**: Nguyên đơn, bị đơn kí kết 02 Hợp đồng tín dụng cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 0417/HĐTD-GPBTLG/10 ngày 03/11/2010 và ngày Hợp đồng tín dụng số 0403/HĐTD-GPBTLG/11 ngày 19/08/2011 với nội dung như nguyên đơn đã nêu ở trên.

Xét thấy: Nội dung các hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, các đương sự ký kết các hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối. Vì vậy, nội dung các hợp đồng là hợp pháp.

Các đương sự đều có đủ năng lực chủ thể khi tham gia ký kết hợp đồng. Vì vậy, các hợp đồng hợp pháp về chủ thể. Các hợp đồng đều được lập thành văn bản, các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hợp pháp về hình thức.

[3] **Về tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp:**

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 3(1) tờ bản đồ số 34, có địa chỉ tại thôn Mai C, xã Đại M, huyện A, thành phố Hà Nội; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 442147 do UBND huyện A cấp ngày 15/8/2008, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 79/82/QĐUB, đăng ký sang tên cho chị Phạm Thị Thúy N ngày 28/07/2010 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số công chứng 02353.10 quyển số 06TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/08/2010 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để vay vốn ngân hàng số 03417.10 quyển số 09TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/11/2010 tại Văn phòng công chứng Vạn Xuân. Hợp đồng được lập thành văn bản, có công chứng, các chủ thể tham gia ký kết hợp đồng thế chấp có đầy đủ tư cách, đủ năng lực chủ thể, các bên tự nguyện giao kết, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng thế chấp là hợp pháp. Trên đất có tài sản là các công trình xây dựng, tuy nhiên, các đương sự đã thỏa thuận trong hợp đồng

thế chấp đó là tài sản thế chấp nên xác định các công trình trên đất cũng thuộc tài sản thế chấp.

[4] **Đối với yêu cầu của Nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả gốc và lãi**: Do các hợp đồng tín dụng được ký kết hợp pháp, phía nguyên đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên có căn cứ thu hồi đối với khoản nợ gốc và lãi trên theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bảng tổng hợp dư nợ mà nguyên đơn cung cấp tính đến ngày 22/4/2019 thể hiện:

* Hợp đồng tín dụng số 0417/HĐTD-GPBTLG/10 kí ngày 03/11/2010:

- Về nợ gốc: Đây là hợp đồng tín dụng dài hạn. Theo thỏa thuận, bị đơn vay số tiền 1.000.000.000 đồng, số nợ gốc được trả dần theo từng tháng, mỗi tháng trả 11.500.000 đồng và trả trong 84 tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả trả đủ gốc và lãi đến 14/9/2012, số nợ gốc đã trả là 253.000.000 đồng. Kể từ 15/9/2012, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi cho nguyên đơn. Vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả gốc nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc 747.000.000 đồng là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

- Về nợ lãi*:*

+ Về tiền lãi trong hạn: Bị đơn đã thanh toán tiền lãi trong hạn trên dư nợ gốc giảm dần theo từng kì, tính từ thời điểm ký hợp đồng là ngày 03/11/2010 đến ngày 14/9/2012, bị đơn đã trả được 22 kì nợ lãi trong hạn với số tiền 329.866.133 đồng.

Số tiền lãi trong hạn chưa thanh toán được tính từ ngày 15/9/2012 đến 22/4/2019 trên dư nợ gốc giảm dần theo từng kỳ là 322.884.865 đồng. Tuy nhiên, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo kì từ ngày 15/9/2012 nên toàn bộ khoản nợ gốc chưa trả bị chuyển thành nợ gốc quá hạn kể từ thời điểm 15/9/2012. Như vậy, kể từ 15/9/2012, bị đơn phải có nghĩa vụ trả lãi quá hạn trên dư nợ gốc giảm dần theo từng kì cho đến ngày 22/4/2019.

Đối với yêu cầu số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 15/9/2012 đến ngày 22/4/2019 (ngày mở phiên tòa lần thứ nhất) là 322.866.133 đồng, bị đơn chưa trả số tiền lãi trong hạn trên. Do vậy, yêu cầu số tiền lãi trong hạn 322.866.133 đồng được chấp nhận.

+ Về tiền lãi quá hạn: Kể từ 15/9/2012, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc mỗi kì là 11.500.000 đồng, Vì vậy, khoản nợ gốc mỗi kì chưa thanh toán phải được tính là nợ gốc quá hạn bằng 150% của lãi trong hạn theo hợp đồng tín dụng cụ thể số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15/9/2012 đến 22/4/2019 là 676.587.171 đồng. Yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc quá hạn được chấp nhận.

+Về yêu cầu tiền phí phạt chậm trả lãi: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc nên đã phải chịu lãi quá hạn trên dư nợ gốc. Nguyên đơn yêu cầu phí phạt chậm trả lãi được tính là : Nợ lãi trong hạn X 150% X lãi suất trong hạn X số ngày vi phạm = 401.161.264 đồng. Đây là cách tính lãi chồng lãi nên không chấp nhận. Vì vậy, yêu cầu phí phạt chậm trả lãi 401.161.264 đồng không được chấp nhận.

Do nguyên đơn đã thu thừa của bị đơn số tiền phí phạt chậm trả lãi của Hợp đồng này là 620.308 đồng. Vì vậy khấu trừ số tiền này và khoản nợ gốc mà bị đơn phải trả nguyên đơn. Bị đơn còn phải trả nguyên đơn số nợ gốc là 746.397.692 đồng.

Tổng gốc và lãi theo hợp đồng 0417/HĐTD-GPBTLG/10 kí ngày 03/11/2010 bị đơn phải trả từ ngày 15/9/2012 đến 22/4/2019 là: Nợ gốc 746.397.692 đồng + nợ lãi trong hạn 322.884.865 đồng + nợ lãi quá hạn 676.587.171 đồng = 1.745.851.728 đồng.

***** Xét Hợp đồng tín dụng số 0403/HĐTD-GPBTLG/11 kí ngày 19/08/2011 thấy:

- Về nợ gốc: Bị đơn vay số tiền 1.400.000.000 đồng, thanh toán một lần vào cuối kì. Hết hạn hợp đồng là ngày 18/8/2012, bị đơn chưa thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc 1.400.000.000 đồng là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

- Về nợ lãi**:**

+ Về lãi trong hạn: Tổng tiền lãi trong hạn là 322.233.333 đồng. Bị đơn đã trả lãi trong hạn đến 24/7/2012 là 304.733.333 đồng. Số lãi trong hạn chưa trả là 17.500.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu lãi số tiền lãi trong hạn là 17.500.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận. Bị đơn phải trả số tiền lãi trong hạn 17.500.000 đồng.

+ Về lãi quá hạn: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc là 18/8/2012. Ngày phát sinh nghĩa vụ trả lãi quá hạn trên dư nợ gốc là ngày 19/8/2012 đến 22/4/2019 (là ngày mở phiên tòa sơ thẩm), nên bị đơn phải chịu số tiền lãi quá hạn trên dư nợ gốc 1.400.000.000 đồng, số tiền lãi quá hạn là 2.558.850.000 đồng.

Về phí phạt chậm trả lãi: Nguyên đơn yêu cầu phí phạt chậm trả lãi là 31.487.616 đồng. Xét thấy bị đơn đã phải chịu lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ trả gốc, nguyên đơn yêu cầu tiền phạt chậm trả lãi tính trên nợ lãi trong hạn chưa trả X 150% X lãi trong hạn X số ngày vi phạm, cách tính như trên là tính lãi chồng lãi nên không chấp nhận. Không chấp nhận yêu cầu phí phạt chậm trả lãi là 31.487.616 đồng của nguyên đơn.

Do nguyên đơn đã thu thừa của bị đơn số tiền phí phạt chậm trả lãi của Hợp đồng này là 1.585.834 đồng. Vì vậy khấu trừ số tiền này và khoản nợ gốc mà bị đơn phải trả nguyên đơn. Bị đơn còn phải trả nguyên đơn số nợ gốc là 1.398.414.166 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0403/HĐTD GPBTLG/11 ký ngày 19/08/2011, tính từ ngày 19/8/2012 đến ngày 22/4/2019 là Nợ gốc: 1.398.414.166 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.558.850.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 17.500.000 đồng; Tổng cộng: 3**.**974.264.166 đồng.

[5] **Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp**: Quan hệ phát sinh trong vụ án này từ hợp đồng tín dụng có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng thế chấp và các quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm thì trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên, xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thê chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bị đơn. Do đó yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là có căn cứ và được Tòa án chấp nhận.

[6] **Về án phí dân sự sơ thẩm**:Yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận một phần bao gồm: 5.720.155.894 **đ**ồng. Do vậy, nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ

phí Tòa án bị đơn phải chịu án phí dân sự trên số tiền 5.720.155.894 **đồng** là 113.720.155 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận là 432.648.880 đồng là 21.305.955 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 342; Điều 471, Điều 474 và Điều 476, Điều 715, Điều 720, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Xử :

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại TNHH MTV X đối với anh Ngô Việt C, chị Phạm Thị Thúy N về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc anh Ngô Việt C, chị Phạm Thị Thúy N có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV X theo Hợp đồng tín dụng số 0417/HĐTD-GPBTLG/10 kí ngày 03/11/2010 số tiền là: 1.745.851.728 đồng gồm : nợ gốc 746.397.692 đồng + nợ lãi trong hạn 322.884.865 đồng + nợ lãi quá hạn 676.587.171 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền phí phạt chậm trả lãi 401.161.264 đồng.

- Buộc anh Ngô Việt C, chị Phạm Thị Thúy N có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV X theo Hợp đồng tín dụng số 0403/HĐTD GPBTLG/11 ký ngày 19/08/2011 số tiền là: Nợ gốc: 1.398.414.166 đồng; Nợ lãi trong hạn: 17.500.000 đồng; Nợ lãi quá hạn: 2.558.850.000 đồng; Tổng cộng: 3.974.264.166 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn phí phạt chậm trả lãi 31.487.616 đồng đồng theo hợp đồng này.

Tổng nợ gốc và lãi của cả hai hợp đồng tín dụng bị đơn phải trả nguyên đơn là 5.720.155.894 đồng

Kể từ ngày 23/4/2019, bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc của hai hợp đồng tín dụng chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong hai khoản nợ trên. Do các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng nên lãi suất sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng.

Trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ số tiền trên và lãi phát sinh thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

là: Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 3(1) tờ bản đồ số 34, có địa chỉ tại thôn Mai C, xã Đại M, huyện A, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 442147 do UBND huyện A cấp ngày 15/8/2008, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 79/82/QĐUB, đăng ký sang tên cho chị Phạm Thị Thúy N ngày 28/07/2010.

* Về án phí sơ thẩm: Anh C, chị N phải chịu 113.720.155 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại TNHH MTV X phải chịu 21.305.955 đồng. Khấu trừ và số tiền tạm ứng án phí 56.875.000 đồng đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008004 ngày 06/12/2018. Hoàn trả cho nguyên đơn 35.569.044 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

<u>Nơi nhận</u>:
- Người tham gia tố tụng.
- VKSND huyện Đông Anh.
- Tòa án ND TP. Hà Nội.
- THA huyện Đông Anh.
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Triệu Thúy Hà